

Số: **2396** /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày **26** tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt “Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số”
Dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai”,
vay vốn Ngân hàng Thế giới, hợp phần thực hiện tại tỉnh Đắk Lắk**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1236/QĐ-BTNMT ngày 30/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai”, vay vốn Ngân hàng Thế giới;

Căn cứ Quyết định số 615/QĐ-UBND ngày 17/3/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án "Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai", vay vốn Ngân hàng Thế giới, hợp phần thực hiện tại tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 3636/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc giao kế hoạch đầu tư xây dựng nguồn vốn ngân sách địa phương năm 2019; Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 29/01/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu và vốn ODA năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1364/QĐ-BTNMT ngày 31/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt sơ tay hướng dẫn thực hiện dự án “Tăng cường quản lý đất đai và Cơ sở dữ liệu đất đai” (Dự án VILG);

Căn cứ Quyết định số 1666/QĐ-UBND ngày 01/7/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Kế hoạch tổng thể thực hiện, kế hoạch thực hiện năm 2019 của Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai, tỉnh Đắk Lắk do Ngân hàng thế giới (WB) tài trợ;

Căn cứ Thư không phản đối ngày 26/7/2019 của Ngân hàng thế giới đối với Dự thảo Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Lắk;

Xét Tờ trình số 336/TTr-STNMT ngày 30/7/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt “Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số” Dự án “Tăng

cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai”, vay vốn Ngân hàng Thế giới, hợp phần thực hiện tại tỉnh Đắk Lắk,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số”, dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai”, vay vốn Ngân hàng Thế giới, hợp phần thực hiện tại tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Sở Tài nguyên và Môi trường là chủ dự án có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch này đảm bảo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố: Buôn Ma Thuột, Buôn Hồ, Lắk, Krông Bông, M’Đrăk, Ea Kar, Ea H’Leo, Krông Búk, Krông Năng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Nơi nhận: *rdw*

- Như Điều 3;
- Bộ TNMT (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
+ CVP, PCVP(Đ/c Dũng);
+ Các phòng: TH, KT;
- Lưu: VT, NN&MT(V-07b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Y Giang Gry Niê Knong

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

**“Dự án Tăng cường quản lý đất
đai và cơ sở dữ liệu đất đai”
(Dự án VILG)**

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DÂN TỘC THIỂU SỐ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2396/QĐ-UBND,
ngày 26 tháng 8 năm 2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk)*

CÁC TỪ VIẾT TẮT

CSDL	Cơ sở dữ liệu
DTTS	Dân tộc thiểu số
EMDP	Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số
MPLIS	Hệ thống thông tin đất đai quốc gia đa mục tiêu
PTNT	Phát triển nông thôn
TCQLĐĐ	Tổng cục Quản lý đất đai
TNMT	Tài nguyên và Môi trường
TW	Trung ương
UBND	Ủy ban nhân dân
VILG	Dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai”
VPĐK	Văn phòng đăng ký

MỤC LỤC

CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	1
MỤC LỤC	3
I. TỔNG QUAN DỰ ÁN	4
1. Khái quát về Dự án.....	4
2. Mục tiêu của dự án	6
3. Khung chính sách và cơ sở pháp lý.....	6
4. Đặc điểm kinh tế, văn hóa xã hội của DTTS trong vùng dự án.....	9
5. Đánh giá tác động khi triển khai thực hiện dự án	12
II. TRIỂN KHAI KHUNG KẾ HOẠCH DÂN TỘC THIỂU SỐ.....	14
1. Đánh giá kết quả tham vấn các bên liên quan.....	14
2. Kế hoạch triển khai các hoạt động	15
III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	25
IV. PHỔ BIẾN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DÂN TỘC THIỂU SỐ.....	26
V. CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI	27
VI. KINH PHÍ DỰ KIẾN.....	28
VII. TỔ CHỨC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ.....	29
PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH THAM DỰ THAM VẤN CỘNG ĐỒNG	28
PHỤ LỤC 3: DANH SÁCH THAM DỰ THAM VẤN CÁN BỘ LÀM CÔNG TÁC QUẢN LÝ/CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ	30

I. TỔNG QUAN DỰ ÁN

1. Khái quát về Dự án

Mục tiêu của Dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai” (viết tắt VILG) là nhằm phát triển, vận hành một hệ thống thông tin đất đai quốc gia đa mục tiêu nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của Chính phủ, doanh nghiệp và người dân; nâng cao hiệu lực, hiệu quả và minh bạch của công tác quản lý đất đai tại địa bàn thực hiện dự án thông qua việc hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai.

Dự án sẽ bao gồm 3 hợp phần như sau:

• Hợp phần 1: Tăng cường chất lượng cung cấp dịch vụ đất đai

Hợp phần này sẽ hỗ trợ: (i) Hiện đại hóa và tăng cường chất lượng cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai, (ii) Đào tạo, truyền thông và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số; (iii) Thiết lập và thực hiện Hệ thống theo dõi và đánh giá việc quản lý và sử dụng đất.

Hợp phần này sẽ hỗ trợ nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ đất đai thông qua việc hoàn thiện quy trình và tiêu chuẩn dịch vụ, cải tạo cơ sở vật chất, nâng cao năng lực của các cán bộ VPĐK ở các huyện dự án. Hợp phần này sẽ hỗ trợ việc thống nhất các tiêu chuẩn nghiệp vụ và cơ sở vật chất của VPĐK và chi nhánh VPĐK, đồng thời tăng cường sự tham gia của người dân, khu vực tư nhân và các bên liên quan khác thông qua các chiến dịch truyền thông và nâng cao nhận thức. Các hoạt động của hợp phần này sẽ tạo điều kiện để triển khai các hoạt động kỹ thuật trong khuôn khổ Hợp phần 2 của dự án. Ngoài ra, Hợp phần này cũng sẽ giúp theo dõi việc thực hiện quản lý sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và dần dần đáp ứng các nhu cầu của nền kinh tế, xã hội trong hiện tại và trong tương lai về khả năng tiếp cận tốt hơn với các thông tin và dịch vụ thông tin đất đai.

• Hợp phần 2: Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và triển khai hệ thống thông tin đất đai quốc gia đa mục tiêu (MPLIS)

Hợp phần này hỗ trợ cho: (i) phát triển một mô hình hệ thống thông tin đất đai đa mục tiêu, tập trung, thống nhất trên phạm vi toàn quốc; (thiết lập hạ tầng công nghệ thông tin, phần mềm để quản trị và vận hành hệ thống cho cả nước; (ii) Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia với 04 thành phần là: (i) thông tin địa chính; (ii) quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; (iii) giá đất và (iv) thống kê, kiểm kê đất đai; (iii) Phát triển triển Công thông tin đất đai, dịch vụ công điện tử trong lĩnh vực đất đai và chia sẻ, liên thông dữ liệu với các ngành, lĩnh vực khác dựa trên Khung kiến trúc chính phủ điện tử được Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành nhằm tăng cường sự tham gia của người dân đối với hệ thống MPLIS

• Hợp phần 3: Hỗ trợ quản lý dự án

Hợp phần này sẽ: (i) hỗ trợ quản lý dự án, (ii) hỗ trợ theo dõi và đánh giá dự án.

- **Tên dự án:** “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai”, Tiếng Anh “Vietnam - Improved Land Governance and Database Project”, Tên viết tắt: VILG

- **Tên nhà tài trợ:** Ngân hàng Thế giới.

- **Cơ quan chủ quản đề xuất dự án:** Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- **Cơ quan chủ quản tham gia dự án:** Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Chủ dự án:

+ Chủ dự án đề xuất dự án: Tổng cục Quản lý đất đai (TCQLĐĐ), Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TNMT).

+ Chủ dự án đối với địa bàn được đầu tư xây dựng CSDL đất đai: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk.

- **Thời gian thực hiện dự án:** từ năm 2017 đến năm 2022.

- **Địa điểm triển khai dự án:** Dự án sẽ được triển khai tại 09 huyện của tỉnh Đắk Lắk, gồm: thành phố Buôn Ma Thuột, Buôn Hồ, M'Đrăk, Ea H'Leo, Ea Kar, Krông Búk, Krông Năng, Krông Bông, Lắk.

- **Phạm vi, khu vực DTTS sinh sống trong khu vực triển khai dự án:**

Địa bàn phân bố của dân tộc thiểu số trong vùng dự án tại tỉnh Đắk Lắk như sau:

Người Êđê sinh sống chủ yếu ở thành phố Buôn Ma Thuột, thị xã Buôn Hồ, M'Đrăk, Krông Búk, Krông Bông, Ea Kar.

Người Mnông sinh sống chủ yếu ở các huyện: Ea H'Leo, Ea Súp.

Người Xơ Đăng sinh sống chủ yếu ở các huyện: Cư M'Gar.

Các dân tộc khác như Mường, Thái, Tày, Nùng, Hmông có ở hầu hết các huyện, thị xã, thành phố nhưng tập trung đông nhất ở huyện Krông Bông, M'Đrăk.

(Biểu thống kê DTTS Đắk Lắk phân theo đơn vị hành chính cấp huyện theo Tổng điều tra dân số ngày 01/4/2009)

STT	Tên huyện (các huyện thuộc phạm vi dự án VILG)	Tổng số nhân khẩu (người) năm 2016	Tổng số nhân khẩu (người) năm 2009	Tổng số hộ (hộ) năm 2009	Tổng số người DTTS (người) năm 2009	Tỷ lệ % người DTTS (người) năm 2009
1	TP. Buôn Ma Thuột	360,018	326,135	82,295	55,631	17.00
2	Thị xã Buôn Hồ	103,647	96,985	21,637	20,880	21.56
3	Huyện Buôn Đôn	64,496	59,959	13,790	39,692	66.12
4	Huyện Cư M'Gar	174,693	163,630	35,547	67,488	41.43
5	Huyện Cư Kuin	105,016	99,551	22,210	27,235	27.53
6	Huyện Ea H'Leo	129,651	120,968	28,328	42,326	35.00
7	Huyện Ea Súp	65,531	58,579	14,112	21,514	36.66
8	Huyện Ea Kar	152,684	141,331	34,558	19,709	13.93
9	Huyện Krông Bông	95,837	87,139	18,606	41,357	47.47
10	Huyện Krông Búk	63,702	57,387	13,213	22,085	38.50
11	Huyện Krông Năng	125,699	118,223	27,279	48,523	41.24
12	Huyện Krông Pắc	208,846	198,009	45,644	66,013	33.55
13	Huyện Krông Ana	87,034	81,010	18,677	34,066	41.97
14	Huyện Lắk	65,452	59,954	13,499	37,492	62.22
15	Huyện M'Đrăk	72,153	65,094	14,912	28,058	42.64
TỔNG		1,874,459	1,733,954	404,307	572,069	33.01

2. Mục tiêu của dự án

- Phát triển, vận hành một hệ thống thông tin đất đai đa mục tiêu nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của địa phương, doanh nghiệp và người dân.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả và minh bạch của công tác quản lý đất đai tại địa bàn thực hiện dự án thông qua việc hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai.

- Hoàn thiện và vận hành CSDL đất đai của địa phương (*dữ liệu địa chính, dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, dữ liệu giá đất, dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai*) phục vụ công tác quản lý đất đai, cung cấp dịch vụ công về đất đai, kết nối với Trung ương và chia sẻ thông tin đất đai với các ngành có liên quan (*thuế, công chứng, ngân hàng, ...*).

- Hoàn thiện việc cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai thông qua việc hiện đại hóa các VPĐK từ việc cải tiến quy trình, tiêu chuẩn dịch vụ tới việc trang bị thiết bị đầu - cuối của các VPĐK và đào tạo cán bộ.

- Nâng cao hiệu quả của công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng đối với Dự án; đặc biệt là đối với công tác xây dựng, quản lý và vận hành hệ thống thông tin đất đai; hệ thống theo dõi, đánh giá quản lý và sử dụng đất đai.

3. Khung chính sách và cơ sở pháp lý

3.1. Quy định pháp lý hiện hành của Việt Nam đối với các nhóm dân tộc thiểu số

Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn xác định vấn đề dân tộc, công tác dân tộc luôn có vị trí chiến lược quan trọng. Tất cả người dân tộc ở Việt Nam đều có đầy đủ quyền công dân và được bảo vệ bằng các điều khoản công bằng theo Hiến pháp và pháp luật. Chủ trương, chính sách cơ bản đó là "Bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giúp nhau cùng phát triển", trong đó vấn đề ưu tiên là "đảm bảo phát triển bền vững vùng DTTS và miền núi".

Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 đã ghi nhận quyền bình đẳng giữa các dân tộc ở Việt Nam (Điều 5) như sau:

"1. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam.

2. Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc.

3. Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hoá tốt đẹp của mình.

4. Nhà nước thực hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện để các DTTS phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước."

Hiến pháp sửa đổi qua các năm từ 1946, 1959, 1980, 1992 và đến năm 2013 đều quy định rõ "Tất cả các dân tộc là bình đẳng, thống nhất, tôn trọng và giúp đỡ nhau để cùng phát triển; tất cả các hành vi phân biệt đối xử, phân biệt dân tộc; DTTS có quyền sử dụng tiếng nói và chữ viết, duy trì bản sắc của dân tộc, và duy trì phong tục, nguyên tắc và truyền thống của họ. Nhà nước thực hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện thuận lợi cho người DTTS phát huy sức mạnh nội lực để bắt kịp với sự phát triển của quốc gia".

Các vấn đề về đất đai là bản chất chính trị và có thể gây tác động tới sự phát triển kinh tế - xã hội của rất nhiều quốc gia, đặc biệt là những nước đang phát triển. Chính sách đất đai có tác động rất lớn đối với sự phát triển bền vững và cơ hội về phát triển kinh tế - xã hội cho mọi người cả ở khu vực nông thôn và thành thị, đặc biệt là những người nghèo.

Tại Điều 53, Hiến pháp và Điều 4, Luật đất đai 2013 đã nêu rõ về vấn đề sở hữu đất như sau: "Đất đai thuộc sở hữu của toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở

hữu và thống nhất quản lý. Nhà nước trao quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất theo quy định của Luật này”. Theo quy định này thì đất đai là thuộc sở hữu của toàn dân, nhà nước đóng vai trò là đại diện chủ sở hữu để quản lý và Nhà nước trao quyền sử dụng đất cho các đối tượng sử dụng đất (người sử dụng đất) với các hình thức giao đất, cho thuê đất và công nhận quyền sử dụng đất theo các quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 27, Luật Đất đai năm 2013 quy định: Nhà nước có chính sách về đất ở, đất sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào DTTS phù hợp với phong tục, tập quán, bản sắc văn hóa và điều kiện thực tế của từng vùng; có chính sách tạo điều kiện cho đồng bào DTTS trực tiếp sản xuất nông nghiệp ở nông thôn có đất để sản xuất nông nghiệp.

Điều 28, Luật Đất đai năm 2013 quy định: Nhà nước có trách nhiệm xây dựng, quản lý hệ thống thông tin đất đai và bảo đảm quyền tiếp cận của tổ chức, cá nhân đối với hệ thống thông tin đất đai; thực hiện công bố kịp thời, công khai thông tin cho các tổ chức, cá nhân; cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong quản lý, sử dụng đất đai có trách nhiệm tạo điều kiện, cung cấp thông tin về đất đai cho tổ chức, cá nhân theo quy định.

Điều 43, Luật đất đai 2013 về “Lấy ý kiến về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất” quy định: Cơ quan nhà nước lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất như được quy định tại khoản 1 và 2 của điều 42 của Luật này sẽ có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến đóng góp của nhân dân về quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất”. Việc lấy ý kiến của người dân sẽ được diễn ra thông qua công khai thông tin về nội dung của quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất, qua các hội nghị và tham vấn trực tiếp.

Điều 110, Luật Đất đai năm 2013 quy định miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với trường hợp sử dụng đất để thực hiện chính sách nhà ở, đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân là DTTS ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, hải đảo; sử dụng đất sản xuất nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân là dân tộc thiểu số.

Theo quy định của Luật Đất đai, cộng đồng dân cư gồm cộng đồng người Việt Nam sinh sống trên cùng địa bàn thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố và điểm dân cư tương tự có cùng phong tục, tập quán hoặc có chung dòng họ. Cộng đồng dân cư đang sử dụng đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ; đất nông nghiệp quy định tại Khoản 3, Điều 131, Luật Đất đai và đất đó không có tranh chấp, được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận là đất sử dụng chung cho cộng đồng thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Điều 100) và được Nhà nước giao đất, công nhận quyền sử dụng đất để bảo tồn bản sắc dân tộc gắn với phong tục, tập quán của các dân tộc (Điều 131), đồng thời việc giao đất, cho thuê đất phải ưu tiên hộ gia đình, cá nhân là DTTS không có đất hoặc thiếu đất sản xuất ở địa phương (Điều 133).

Nhà nước yêu cầu áp dụng chính sách kinh tế - xã hội cho từng vùng và từng dân tộc, có tính đến nhu cầu cụ thể của các nhóm DTTS. Kế hoạch và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam chú trọng tới DTTS. Một vài chương trình chính của DTTS, như Chương trình 135 (xây dựng cơ sở hạ tầng cho khu vực nghèo, vùng xa và sâu) và Chương trình 134 (xóa nhà tạm).

3.2. Sự thống nhất với chính sách hoạt động của Ngân hàng thế giới về người bản địa

Chính sách hoạt động 4.10 (cập nhật năm 2005) của Ngân hàng Thế giới (WB) yêu cầu Bên đi vay thực hiện một quá trình tham vấn tự do, được thông báo trước và được thực hiện trước khi tiến hành dự án với người dân bản địa khi người dân bản địa bị ảnh hưởng bởi dự án. Mục đích của việc tham vấn này là nhằm tránh hoặc giảm đến mức tối thiểu những tác động xấu của dự án đến người DTTS và để đảm bảo các hoạt động của dự án phù hợp với văn hóa và phong tục của địa phương. Khuyến khích việc ra quyết định của địa phương và sự tham gia của cộng đồng trong khuôn khổ quy định pháp luật của Việt Nam về phân cấp và về đất đai phù hợp với chính sách của Ngân hàng thế giới.

Chính sách an toàn của Ngân hàng thế giới chỉ rõ người dân bản địa là nhóm (a) tự xác định là những thành viên của nhóm văn hóa bản địa riêng biệt và điều đó được những nhóm khác công nhận; (b) cùng chung môi trường sống riêng biệt về mặt địa lý hoặc cùng lãnh thổ của tổ tiên trong khu vực dự án và cùng chung nguồn tài nguyên thiên nhiên trong những môi trường và lãnh thổ này; (c) thể chế về văn hóa theo phong tục tập quán riêng biệt so với xã hội và văn hóa chủ đạo; và (d) một ngôn ngữ bản địa, thường là khác với ngôn ngữ chính thức của đất nước hoặc của vùng.

Trong phạm vi triển khai dự án VILG, các nhóm dân tộc thiểu số tại các địa bàn triển khai dự án có khả năng nhận được lợi ích lâu dài từ việc được truyền thông để nhận thức được các quy định của pháp luật cho đến việc được tiếp cận với các thông tin đất đai và các dịch vụ đất đai. Việc xây dựng kế hoạch phát triển DTTS (EMDP) là hành động để giảm thiểu các tác động tiềm tàng có thể xảy ra trong quá trình triển khai các hoạt động của dự án. Đảm bảo công cuộc giảm nghèo và phát triển bền vững, đồng thời, tôn trọng đầy đủ nhân phẩm, quyền con người, giá trị kinh tế và bản sắc văn hóa của các dân tộc thiểu số.

4. Đặc điểm kinh tế, văn hóa xã hội của DTTS trong vùng dự án

Đắk Lắk là tỉnh miền núi, nằm ở trung tâm cao nguyên Nam Trung Bộ, trong khoảng tọa độ địa lý từ từ 12°9'45" - 13°25'06" độ vĩ Bắc và 107°28'57"-108°59'37" độ kinh Đông. Phía Bắc giáp tỉnh Gia Lai, phía Nam giáp tỉnh Lâm Đồng, phía Đông giáp tỉnh Phú Yên và tỉnh Khánh Hòa, phía Tây giáp Vương quốc Cam Pu Chia (có đường biên giới dài 73,4 km) và tỉnh Đắk Nông. Có diện tích tự nhiên là 13.125,37 km²; có 15 đơn vị hành chính cấp huyện (thành phố Buôn Ma Thuột, thị xã Buôn Hồ và 13 huyện), trong đó có 184 đơn vị hành chính cấp xã (152 xã, 20 phường và 12 thị trấn).

Theo báo cáo thống kê tổng điều tra dân số năm 2009 thì tỉnh Đắk Lắk có đến 47 dân tộc anh em cùng sinh sống, trong tổng dân số năm 2009 là 1.733.133 thì người dân tộc Kinh có 1.161.044 người, chiếm 67% dân số và các dân tộc thiểu số 572.069 người, chiếm 33% dân số. Êđê, Mnông, Gia Rai là các tộc người tại chỗ, còn các dân tộc Kinh, Hoa, Mường, Xơ Đăng, Bru – Vân Kiều, Ba Na, Khơ me, Chăm... là các dân tộc di cư đến sau. Một số dân tộc vốn gốc ở các tỉnh miền núi phía Bắc như: Tày, Thái, Nùng, Dao, Mông... đến Đắk Lắk làm ăn sinh sống chủ yếu sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng theo các kế hoạch xây dựng, phát triển các khu kinh tế mới hoặc theo đường di dân tự do.

(Biểu thống kê các dân tộc tỉnh Đắk Lắk theo tổng điều tra dân số năm 2009)

STT	Dân tộc	Số người	STT	Dân tộc	Số người
1	Kinh	1.161.044	25	Giê Triêng	78
2	Êđê	298.534	26	Ngái	37
3	Nùng	71.461	27	Mạ	31
4	Tày	51.285	28	Chơ Ro	25
5	Mnông	40.344	29	La Chí	22
6	Hmông	22.760	30	Cơ	19
7	Thái	17.135	31	Cơ Tu	17
8	Gia Rai	16.129	32	Mảng	15
9	Mường	15.510	33	Xtiêng	15
10	Dao	15.303	34	Cơ Lao	14
11	Xơ Đăng	8.041	35	Lô Lô	13
12	Sán Chay	5.220	36	Chu Ru	11
13	Hoa	3.476	37	Giáy	11
14	Bru-Vân Kiều	3.348	38	Tà Ôi	05
15	Khơ Me	543	39	Hà Nhì	04
16	Thổ	541	40	Pà Thên	04
17	Chứt	435	41	Khơ Mú	03
18	Ba Na	301	42	Kháng	02
19	Lào	275	43	Cống	01
20	Chăm	271	44	La Ha	01
21	Hrê	341	45	La Hủ	01
22	Sán Dìu	236	46	Si la	01
23	Cơ Ho	151	47	Xinh Mun	01
24	Ragla	98		Tổng cộng	1.733.113

Các dân tộc tại chỗ tuy không cư trú thành những vùng riêng biệt, song đồng bào thường sống tập trung tại một địa bàn nhất định. Người Êđê có dân số đông nhất trong các dân tộc thiểu số sinh sống ở Đắk Lắk, thường cư trú tại các vùng trung tâm, một số huyện ở phía Bắc và Đông Bắc của tỉnh, chủ yếu tại thành phố Buôn Ma Thuột, các huyện: Krông Pắc, Krông Búk, Ea Súp, M'Đắk. Người Mnong là dân tộc tại chỗ có dân số đông thứ hai, cư trú chủ yếu tại huyện Lắk. Người Gia Rai cư trú tại một số huyện phía Bắc, giáp với tỉnh Gia Lai như Ea Súp, Ea H'Leo.

Các dân tộc thiểu số tại chỗ cư trú lâu đời ở Đắk Lắk thường tự phân thành nhiều nhóm địa phương lại có một số đặc điểm văn hóa, phong tục tập quán riêng và quản tụ tập trung trên các địa bàn nhất định. Cũng có nơi các dân tộc sống xen kẽ với nhau, song không nhiều.

Các tộc người DTTS tuy cư trú tập trung trên những địa bàn khác nhau, song vẫn có mối quan hệ với nhau khá sâu sắc. Đây không chỉ là mối quan hệ láng giềng, mà giữa họ có mối quan hệ khá gần gũi về mặt văn hóa và ngôn ngữ. Giữa người Êđê và người Gia Rai có nhiều điểm tương đồng trong phương thức sản xuất, canh tác trong tổ chức xã hội và trong hôn nhân. Thậm chí giữa hai tộc này còn có những dòng họ mà theo tập tục truyền thống, trai gái hai bên không được phép kết hôn, nếu vi phạm sẽ bị coi là mắc tội loạn luân. Những nhóm người Mnông sống trong vùng dân tộc Êđê cũng dễ dàng hòa nhập. Có nhiều truyền thuyết, tập tục, thói quen kiêng kỵ chung cho cả hai tộc người này.

Trong lịch sử chống giặc ngoại xâm cũng như trong hai cuộc kháng chiến của dân tộc ta, đồng bào các dân tộc anh em ở Đắk Lắk đã cùng nhau đoàn kết, một lòng đứng lên chống giặc. Đó là một minh chứng hùng hồn cho tính thống nhất không gì chia cắt được trên đất nước nói chung và tỉnh Đắk Lắk nói riêng.

Đặc thù riêng của từng dân tộc thiểu số như sau:

a) Dân tộc Êđê:

Người Êđê là dân tộc tại chỗ có số dân đông nhất lên tới 298.534, chiếm 17,2% tổng số dân và 52,2% dân số người dân tộc thiểu số thường cư trú tại các vùng trung tâm. Ngoài ra, theo các nhà nghiên cứu người Êđê còn bao gồm các nhóm địa phương như: nhóm Kpã là nhóm có số dân đông nhất, nhóm Adham, nhóm Krung, nhóm Mdhur, nhóm Drao... và các nhóm này có chung ngôn ngữ Êđê, chung hệ thống tín ngưỡng, thần linh, chung một nền văn hóa.

Toàn bộ xã hội Êđê được phân thành những cơ sở là buôn (Êđê). Buôn phân bố rải rác khắp miền cao nguyên đất đỏ, nhất là ở vùng trung tâm và dọc các trục giao thông. Hầu hết các buôn này đã trải qua nhiều lần xây dựng lại, nhất là dưới thời Mỹ ngụy bị nhiều lần tiến hành gom dân lập ấp chiến lược, cho nên hình thức tổ chức và quy mô của nó có những thay đổi. Buôn thường, nhỏ thì vài chục nóc nhà, lớn thì bảy tám chục nhà có khi tới hàng trăm với những nhà dài ngắn không đều nhau xếp thành từng dãy theo đường phố. Nhưng vẫn còn nhiều buôn giữ được hình dáng xa xưa của nó do ít bị xáo trộn với nhà ở thường được phân bố theo kiểu mật tập. Mỗi buôn, nhất là buôn của người Êđê, bên nước là nơi sinh hoạt công cộng hàng ngày quan trọng, cũng là nơi làm lễ hàng năm vào đầu xuân. Còn buôn của các nhóm người định cư làm ruộng nước thì trái lại có thể thấy những mảnh vườn nhỏ cạnh nhà ở với các loại cây cần cho bữa ăn hàng ngày.

Do cách thức tổ chức nên những công trình kiến trúc của đồng bào Êđê mang tính cộng đồng rõ rệt. Chính vì lối sống cộng đồng ấy mà đã làm nảy sinh một số sản phẩm với quy mô lớn và có công dụng, đó là những bằng chứng sinh động về những giá trị độc đáo trong văn hóa vật chất của đồng bào Êđê trên cao nguyên Đăk Lăk này.

b) Dân tộc Mnông:

Tộc người thiểu số tại chỗ có dân số nhiều thứ hai tại tỉnh Đăk Lăk, sau tộc người Êđê là Mnông. Người Mnông thuộc ngữ hệ Môn – Khơ Me. Theo báo cáo thống kê số dân của người Mnông năm 2009 của tỉnh là 40.344 người. Tuy dân số hiện nay không nhiều, song người Mnông đã khẳng định một vị trí khá đặc biệt của mình bởi một nền văn hóa hết sức phong phú, đa dạng, mang đậm bản sắc của văn hóa Đông Nam Á cổ và có ảnh hưởng đến toàn bộ nền văn hóa của khu vực Tây Nguyên. Các nhà nghiên cứu cho rằng, đây là một quần thể dân cư có lối sống cổ, cư trú trên địa bàn bán đảo Đông Dương, đại bản được coi là khu vực còn lưu giữ nhiều dấu ấn của văn hóa Đông Nam Á lục địa.

Người Mnông cư trú chủ yếu trên vùng đất khá bằng phẳng của Cao Nguyên Đăk Lăk, có độ cao khoảng 350 – 450m so với mặt nước biển. Địa hình khá bằng phẳng xen kẽ với các thung lũng nhiều sông suối, hồ, đầm, chung quanh bao bọc bởi núi cao, như đồng bằng vùng hồ Lăk, thung lũng ven các con sông Krông Ana (sông Cái), Krông Knô (sông Đực), Đăk Dong (sông Đồng Nai)... Chung quanh địa bàn cư trú của người Mnông trước đây là những cánh rừng tự nhiên, mênh mông nơi cung cấp lương thực vô tận cho nhu cầu hàng ngày của đồng bào như: măng, nấm, các loại rau rừng... đặc biệt từ xa xưa, người Mnông có nghề săn bắt và thuần dưỡng voi rừng thành voi nhà, một phương tiện vận chuyển thuận lợi của người đồng bào. Rừng còn cung cấp các loại gỗ cho đồng bào làm nhà, làm thuyền và các vật dụng trong gia đình... Không chỉ có mối quan hệ vật chất với rừng, người Mnông từ xa xưa đã tự nhiên hình thành mối quan hệ tinh

thần, mối quan hệ văn hóa với rừng và rừng là mái nhà che chở, bao bọc người Mnông, là nơi ở của các vị thần linh mà người Mnông có thể khẩn cầu sự giúp đỡ mỗi khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Khác với người Êđê, ở người Mnông sự phân định ranh giới đất đai giữa các buôn nhiều nơi có phần chặt chẽ hơn. Người ta không cho phép những người buôn khác canh tác trên phạm vi đất đai của mình. Người buôn này muốn làm nương đất buôn khác cần được xin phép và nộp lễ bằng lợn, gà, rượu và gạo, nếu không sẽ bị thu hết hoa lợi, thậm chí người buôn này cũng ít đi sang đất của người buôn kia khi không có việc cần liên hệ, vì sự vi phạm dù là nhỏ, ngẫu nhiên cũng là nguyên nhân nảy sinh sự ngờ vực lẫn nhau và có thể dẫn đến xung đột bằng vũ lực.

c) Dân tộc Gia Rai:

Người Gia Rai (Djarai) tập trung sinh sống tại hai huyện Ea Súp và Ea H'Leo phía Bắc tỉnh với dân số năm 2009 là 16.129 người. Là một trong năm dân tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Malayo - Polynesian, ngữ hệ Nam Đảo, người Gia Rai có những nét tương đồng đặc biệt với tộc người Êđê. Người Gia-rai cư trú theo làng hoặc buôn. Nhà sàn cho mỗi gia đình một vợ một chồng mẫu hệ, loại nhà sàn nhỏ, mở cửa chính nhìn về hướng Bắc. Làng thường ở trên đồi hay dọc theo suối.

Đặc điểm kinh tế: Nguồn sống chính dựa vào rẫy với các loại cây lúa, bắp, đậu và hiện nay đồng bào đã làm ruộng nước. Ngoài chăn nuôi trâu bò, voi, lợn, săn bắn và hái lượm vẫn giữ vai trò quan trọng trong đời sống. Đàn ông thạo đan lát các loại giùi, giỏ, đàn bà giỏi dệt khố váy, mền đắp, vải may áo cho gia đình.

Người Gia Rai theo vạn vật hữu linh, suy tôn nhiều vị thần và hôn nhân theo truyền thống mẫu hệ, phụ nữ tự do lựa chọn người yêu và chủ động việc hôn nhân. Sau lễ cưới, chàng trai về ở nhà vợ, không được thừa kế tài sản. Việc cưới xin trải qua nhiều thủ tục và lễ cưới được tiến hành ở cả hai gia đình.

d) Các dân tộc thiểu số phía Bắc

Từ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, thực hiện chính sách xây dựng các vùng kinh tế mới của Nhà nước, một số dân tộc phía Bắc đã có mặt trên vùng đất Đắk Lắk. Đồng thời với các cuộc di dân theo kế hoạch, sự di dân tự do đến Tây Nguyên cũng diễn ra ồ ạt, mang tới một sắc thái mới, văn hóa mới cho vùng đất này. Vì vậy, không có gì đáng lạ, nếu trên cao nguyên Đắk Lắk xen kẽ với các buôn làng của các tộc người thiểu số tại chỗ, chúng ta còn thấy có những bản làng của người Thái, người Dao, người Tày, người Nùng, người Mường với những nét văn hóa riêng, độc đáo của mỗi tộc người.

Người Dao có trên 15.000 người (2009), đông nhất là Dao đỏ, một số khác là Dao Tiền, Dao Thanh Phán di cư từ Quảng Ninh, Cao Bằng, Lạng Sơn... tới, một số ít trong số này đến trước năm 1955, còn phần lớn là di cư sau năm 1975, tập trung ở một số xã Ea M'Droh, Nam Nung, Ea Phê, Ea Sô... Đồng bào người Dao đến đây không còn sống du canh, du cư như trước mà đã hình thành tập quán định canh, định cư. Do quá trình diễn ra di cư chưa lâu, nên nhiều phong tục tập quán cũ còn được giữ gìn.

Người Mường ở Đắk Lắk theo thống kê năm 2009 có hơn 15.500 người tập trung chủ yếu ở thành phố Buôn Ma Thuột, còn lại ở các huyện Krông Bông, Ea H'Leo, Ea Kar. Riêng ở xã Hòa Thắng thuộc thành phố Buôn Ma Thuột, người Mường sống tập trung thành ba thôn với gần 2.500 nhân khẩu.

Người Thái chủ yếu di cư đến Đắk Lắk trước năm 1954 từ các tỉnh miền núi phía Bắc như: Sơn La, Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái. Đầu tiên là những người đi lính cho quân đội Pháp, sau đó họ đem theo vợ, con, họ hàng vào sinh cơ, lập nghiệp ở đây lập làng người Thái ở xã Hòa Phú thuộc thành phố Buôn Ma Thuột. Sau năm 1975 và nhất là những năm gần đây, người Thái đến Đắk Lắk theo con đường di dân tự do. Theo thống kê năm 2009 người Thái lên tới trên 17.000 người.

Người Tày, Nùng, Hmông... ở Đắk Lắk trong thời gian gần đây tăng lên nhanh theo làn sóng di dân tự do. Do đời sống kinh tế còn khó khăn và do sống rải rác ở nhiều nơi, ít tập trung nên điều kiện giữ gìn văn hóa dân tộc của đồng bào gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, đây đó vẫn thấy thấp thoáng những nét văn hóa riêng, độc đáo của các dân tộc đã góp phần làm nên bức tranh văn hóa các dân tộc trên địa bàn Đắk Lắk thêm phong phú, giàu màu sắc.

5. Đánh giá tác động khi triển khai thực hiện dự án

5.1. Các tác động tích cực

Qua các phương pháp điều tra, phân tích và phỏng vấn, tham vấn người dân, nhìn chung, việc triển khai thực hiện dự án được cho rằng sẽ đem lại nhiều tác động tích cực đối với cộng đồng dân cư trong vùng dự án, trong đó có lợi ích của cộng đồng dân tộc thiểu số, cụ thể như sau:

- **Giảm thời gian hành chính và tăng hiệu quả cho người sử dụng đất:** việc thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường mạng internet sẽ tăng cường tính minh bạch về thông tin trong việc kê khai, thực hiện các thủ tục của người dân, tiết kiệm thời gian và tính hiệu quả trong việc tiếp cận với các cơ quan và công chức nhà nước. Dựa vào các hoạt động cải cách hành chính, chi phí đi lại và giấy tờ, cùng với các vấn đề về quan liêu và sự phiền nhiễu sẽ được giảm thiểu.

- **Cải thiện môi trường kinh doanh:** với sự minh bạch về thông tin đất đai và việc tra cứu thông tin một cách thuận tiện, nhà đầu tư có thể thu được các thông tin mà họ cần để phục vụ cho lô đất mà họ nhắm tới (tình trạng của lô đất, yêu cầu và các thủ tục của hợp đồng mà không cần phải đến vị trí lô đất).

- **Cải thiện thủ tục hành chính cho các dịch vụ công cộng và người sử dụng đất hộ gia đình:** Dựa vào việc chia sẻ về thông tin đất đai giữa các dịch vụ công liên quan, như phòng công chứng, cơ quan thực thi pháp luật và cơ quan thuế cho thấy sự cải thiện đáng kể trong đây nhanh sự phối hợp trong giải quyết công cho người sử dụng đất. Đặc biệt, sự liên kết giữa các phòng công chứng với nhau sẽ tránh được việc sự chồng chéo trong dịch vụ công chứng như là công chứng viên có thể kiểm tra được lô đất đó có được công chứng tại một nơi khác hay không trước khi họ tiến hành các dịch vụ công chứng. Điều này cũng sẽ dẫn đến việc giảm chi phí của quá trình kiểm tra và xác minh hồ sơ vì hồ sơ đó đã có sẵn trên hệ thống MPLIS. Những đối tượng sử dụng là hộ gia đình, cá nhân có thể hưởng lợi từ việc liên kết giữa các Phòng công chứng vì có thể giảm thiểu rủi ro và chi phí liên quan. Họ có thể kiểm tra về việc lô đất của họ có nằm trong khu vực dự án, hay quy hoạch cho vùng phát triển mới hoặc trong một cuộc tranh chấp nào đó. Điều này sẽ làm giảm tối thiểu các rủi ro trong giao dịch về đất.

5.2. Tác động tiêu cực

Dự án sẽ đặt trọng tâm vào việc cải thiện khung pháp lý, xây dựng và điều hành MPLIS trên cơ sở dữ liệu về đất đai hiện có để quản lý đất tốt hơn và phát triển kinh tế - xã hội. Dự án không đề xuất xây dựng bất kỳ công trình dân dụng nào, do đó sẽ không có thu hồi đất. Sẽ không có bất kì tác động nào gây ra hạn chế

cho việc khai thác các tài nguyên thiên nhiên và ngược lại, do đó, tác động tiêu cực khi triển khai dự án hầu như không có. Tuy nhiên, sẽ phát sinh các vấn đề thực tiễn cần giải quyết khi các thông tin liên quan đến người sử dụng đất rõ ràng, cụ thể và minh bạch hơn như: tranh chấp đất đai; quyền và lợi ích hợp pháp của từng chủ thể sử dụng đất khi có sự so sánh... Việc giải quyết những tác động tiêu cực sẽ được thể hiện trong các hoạt động cụ thể tại bản Kế hoạch này để đảm bảo việc tổ chức thực hiện.

II. TRIỂN KHAI KHUNG KẾ HOẠCH DÂN TỘC THIỂU SỐ

1. Đánh giá kết quả tham vấn các bên liên quan

1.1. Thông tin về các đối tượng được tham vấn

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk đã phối hợp với các huyện vùng sâu, vùng xa trong khu vực dự án tổ chức tham vấn người đồng bào DTTS tại 03 xã/03 huyện.

- **Cán bộ quản lý đất đai:** là các cán bộ của Sở TNMT, Phòng TNMT và cán bộ xã (lãnh đạo UBND, cán bộ địa chính và lãnh đạo các đoàn thể trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến quản lý đất đai).

- **Đại diện các Sở, ban, ngành có liên quan:** cán bộ của Sở Thông tin và truyền thông, Sở Tư pháp, Cơ quan thuế, Hội nông dân tỉnh, Hội phụ nữ tỉnh...

- **Nhóm DTTS:** bao gồm những người Êđê, Mnông, Gia Rai,...

- **Một số doanh nghiệp trên địa bàn dự án:** các tổ chức tín dụng, các doanh nghiệp có sử dụng diện tích đất lớn...

1.2. Các phát hiện chính từ tham vấn về xã hội

Hầu hết các đối tượng được tham vấn sau khi nghe giới thiệu về Dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai” đều bày tỏ sự đồng tình với Dự án và mong muốn dự án được triển khai sớm để họ được dễ dàng có được các thông tin đất đai cần thiết.

Qua tham vấn với các đối tượng làm công tác quản lý như cán bộ các Sở, ngành, phòng tài nguyên và môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Công chức địa chính xã,... thì mặc dù hiện nay cơ sở dữ liệu về đất đai vẫn chưa đầy đủ, lạc hậu và không được cập nhật thường xuyên nhưng tỉnh đã triển khai dịch vụ cung cấp thông tin về đất đai cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu (tại Văn Phòng Đăng ký đất đai, UBND cấp xã...), tuy nhiên, số lượng người dân, tổ chức yêu cầu cung cấp thông tin không nhiều... Đặc biệt đối với đồng bào dân tộc thiểu số và người dân ở những khu vực kém phát triển thì nhu cầu là rất ít. Đối với việc cung cấp thông tin, UBND tỉnh Lạng Sơn đã ban hành Quyết định quy định về việc cung cấp thông tin (Phí, lệ phí, quy trình thủ tục...).

Đối với các doanh nghiệp sử dụng đất thì mong muốn được công khai, minh bạch về thực trạng, quy hoạch đất đai và yêu cầu dữ liệu đất đai cần thể hiện đầy đủ các vấn đề liên quan đến thực trạng và định hướng của Nhà nước trên từng thửa đất để các doanh nghiệp nắm bắt; đồng thời cũng mong muốn Nhà nước xem xét tạo điều kiện để thuận lợi nhất cho các hoạt động của doanh nghiệp.

Qua tham vấn cho thấy đồng bào dân tộc thiểu số (đồng bào Tày, Nùng), người nghèo thì nhận thức và năng lực tiếp cận với công nghệ là rất hạn chế so với các đối tượng khác (ngôn ngữ, chữ viết, kiến thức, việc tiếp cận với máy tính và internet...). Do đó, việc triển khai Dự án cần chú ý đến đặc điểm này để có các hoạt động hỗ trợ phù hợp mang lại những lợi ích thiết thực cho người.

Ngoài ra, những người DTTS kể một số câu chuyện về cơ chế khiếu nại không hiệu quả. Một số người nói rằng họ không có thông tin về địa điểm và cách thức nộp khiếu nại. Những người khác không biết về thủ tục giải quyết khiếu nại.

Để giảm thiểu những tác động không mong muốn của dự án về dân tộc thiểu số, hầu hết những người được hỏi đồng ý đề xuất các biện pháp sau đây:

- Tập trung, tuyên truyền, phổ biến đối để nâng cao nhận thức đối với những đối tượng DTTS, người nghèo với nhiều hình thức khác nhau phù hợp với từng đối tượng, phong tục tập quán;

- Tập huấn kỹ năng sử dụng máy tính cho cán bộ thôn và người dân;

- Nên có chính sách đặc thù đối với những đối tượng này (dịch vụ cung cấp thông tin tại nhà, đối với những địa bàn khó khăn thì nên trang bị máy tính tại thôn để người dân có thể sử dụng và tiếp cận đến thông tin đất đai, ...).

2. Kế hoạch triển khai các hoạt động

- Hoạt động 1: Thiết lập nhóm tư vấn cộng đồng cấp tỉnh, nhóm tham gia cộng đồng cấp huyện

Để xây dựng một kênh phổ biến thông tin và tiếp nhận ý kiến phản hồi của người sử dụng đất, đặc biệt là cộng đồng DTTS, một nhóm tư vấn cộng đồng cấp huyện cần được thành lập. Thành phần của nhóm bao gồm đại diện của Ban DTTS, Phòng quản lý và đăng ký đất đai, Mặt trận tổ quốc, Hội phụ nữ, cán bộ Ban QLDA tỉnh, lãnh đạo xã, cán bộ địa chính xã, Mặt trận tổ quốc xã, Hội phụ nữ xã. UBND tỉnh Đắk Lắk ra quyết định thành lập nhóm và quy định cơ chế hoạt động của nhóm. Nhiệm vụ chính của nhóm là phổ biến thông tin về dự án và thực hiện các cuộc tham vấn với cộng đồng DTTS về các hoạt động của dự án nhằm thu thập thông tin và ý kiến phản hồi của cộng đồng DTTS về các vấn đề chính sau đây để cung cấp kịp thời cho Ban QLDA và các cơ quan thực hiện dự án cũng như cộng đồng DTTS:

- Nhu cầu về thông tin đất đai của cộng đồng DTTS ở địa phương;

- Các yếu tố văn hóa và phong tục tập quán của cộng đồng DTTS cần được quan tâm trong quá trình thực hiện các hoạt động của dự án;

- Phong tục truyền thống về sử dụng đất đai của cộng đồng DTTS cần được quan tâm xem xét trong quá trình xử lý cũng như cung cấp thông tin về đất đai;

- Những trở ngại trong việc phổ biến thông tin, tham vấn và tham gia của cộng đồng DTTS trong quá trình thực hiện dự án và sử dụng thành quả của dự án;

- Đề xuất các giải pháp khắc phục các trở ngại nhằm đảm bảo sự ủng hộ rộng rãi của cộng đồng DTTS đối với dự án và sử dụng các thành quả của dự án một cách hiệu quả và bền vững;

- Tiếp nhận khiếu nại và làm việc với các cơ quan liên quan để giải quyết khiếu nại và phản hồi kết quả giải quyết khiếu nại của người dân kịp thời.

Trong quá trình thực hiện dự án, Ban QLDA và các đơn vị liên quan cần tham vấn thường xuyên với nhóm này.

Các phương pháp tham vấn có thể được sử dụng phù hợp với đặc điểm văn hóa của các DTTS là họp cộng đồng, thảo luận nhóm mục tiêu (nhóm phụ nữ, nhóm dễ bị tổn thương), phỏng vấn sâu những người cung cấp thông tin chủ chốt (già làng, trưởng thôn bản, cán bộ quản lý đất đai, đại diện các nhà cung cấp dịch vụ có liên quan), trình diễn mô hình. Các phương pháp này cần bao gồm các yếu tố về giới và liên thế hệ, tự nguyện, và không có sự can thiệp.

Tham vấn cần được thực hiện hai chiều, tức là cả thông báo và thảo luận cũng như lắng nghe và trả lời thắc mắc. Tất cả các cuộc tham vấn cần được tiến hành một cách thiện chí, tự do, không hăm dọa hay ép buộc, tức là không có sự hiện diện của những người có thể ảnh hưởng đến người trả lời, cung cấp đầy đủ thông tin hiện có cho những người được tham vấn nhận được sự đồng thuận rộng rãi của cộng đồng DTTS đối với các hoạt động của dự án. Phương pháp tiếp cận toàn diện và đảm bảo bao gồm yếu tố về giới, phù hợp với nhu cầu của các nhóm bị thiệt thòi và dễ bị tổn thương, đảm bảo các ý kiến có liên quan của những người bị ảnh hưởng, các bên liên quan khác được cân nhắc trong quá trình ra quyết định. Đặc biệt, người sử dụng đất là người DTTS sẽ được cung cấp các thông tin có liên quan về dự án càng nhiều càng tốt, một cách phù hợp về văn hóa trong thực hiện dự án, theo dõi và đánh giá để thúc đẩy sự tham gia và hòa nhập. Thông tin có thể bao gồm nhưng không giới hạn về các nội dung như khái niệm dự án, thiết kế, đề xuất, biện pháp bảo vệ, thực hiện, theo dõi và đánh giá.

Tất cả các thông tin có liên quan cần lấy ý kiến cộng đồng DTTS sẽ được cung cấp thông qua hai kênh. Thứ nhất, thông tin sẽ được phổ biến cho các trưởng thôn tại cuộc họp hàng tháng của họ với lãnh đạo của Ủy ban nhân dân xã hoặc Nhóm tham vấn để được chuyển tiếp cho người dân trong các cuộc họp thôn/buôn một cách phù hợp với văn hóa và ngôn ngữ của các nhóm DTTS. Thứ hai, thông báo bằng tiếng Việt và bằng ngôn ngữ của người DTTS (nếu cần) sẽ được công khai tại Ủy ban nhân dân cấp xã ít nhất một tuần trước cuộc tham vấn. Việc thông báo sớm như vậy đảm bảo người dân có đủ thời gian để hiểu, đánh giá và phân tích thông tin về các hoạt động được đề xuất.

Ngoài ra, các hoạt động của dự án cần thu hút sự tham gia tích cực và sự hướng dẫn (chính thức và không chính thức) của các cán bộ địa phương như trưởng thôn, các thành viên của các nhóm hòa giải ở cấp thôn, buôn... Ban giám sát cộng đồng ở cấp xã cần giám sát chặt chẽ việc tham gia của các tổ chức địa phương và cán bộ trong các hoạt động khác nhau của dự án VILG. Thông tin đầu vào được sử dụng để theo dõi và đánh giá có thể bao gồm khả năng truy cập của người DTTS vào hệ thống thông tin đất đai được thiết lập trong khuôn khổ dự án, lợi ích từ các thông tin nhận được... Bằng cách cho phép sự tham gia của các bên liên quan thuộc nhóm DTTS trong quá trình lập kế hoạch dự án, thực hiện, giám sát và đánh giá, dự án có thể đảm bảo rằng người dân tộc thiểu số nhận được các lợi ích xã hội và kinh tế từ dự án một cách phù hợp với văn hóa của họ. Với sự tham gia của cộng đồng DTTS, các thông tin đất đai do VILG thiết lập sẽ góp phần tăng thêm sự minh bạch và hiệu quả, đạt được các mục tiêu của dự án đối với các nhóm DTTS. Cần xây dựng năng lực cho các bên liên quan, đặc biệt là Nhóm tham vấn để tránh những hạn chế đang tồn tại trong việc thực hiện tham vấn cộng đồng địa phương, chẳng hạn như tham vấn một chiều, không cung cấp đủ thông tin; vội vàng; và có sự ép buộc.

- Hoạt động 2: Sử dụng các công cụ truyền thông hiện đại

- Chiến lược truyền thông:

Một chiến lược truyền thông thích hợp cần được thiết lập và thực hiện để thúc đẩy nhu cầu sử dụng thông tin đất đai của người dân nói chung và người DTTS cũng như nhóm dễ bị tổn thương nói riêng, đồng thời thể hiện sự cam kết mạnh mẽ hơn từ các chính quyền địa phương trong việc giải quyết những hạn chế về cung cấp các dịch vụ thông tin đất đai một cách đầy đủ. Chiến lược truyền

thông và Sổ tay thực hiện của dự án VILG cần xem xét nội dung, các yêu cầu của người dân đã được phản ánh trong các cuộc tham vấn cộng đồng địa phương để tránh bỏ qua nhóm dễ bị tổn thương và lợi ích của họ trong dự án. Chiến lược truyền thông cần tạo ra một môi trường đối thoại hai chiều, nghĩa là nó không chỉ là kênh thông tin của dự án đến với cộng đồng, mà còn lắng nghe, phản hồi và đáp ứng các mối quan tâm của cộng đồng. Vì vậy, điều quan trọng là phải thiết kế và thực hiện một chiến lược truyền thông toàn diện để hỗ trợ dự án. Dự thảo chiến lược truyền thông nên tập trung vào các vấn đề sau đây:

- *Với bên cung cấp dịch vụ:*

+ Cách thức có được và nâng cao sự cam kết của chính quyền và những cán bộ thực hiện tại trung ương cũng như địa phương đối với việc cải cách hệ thống thông tin đất đai hiện nay. Đây là một quá trình vận động xã hội để xây dựng lòng tin của những người sử dụng đất. Kết quả của quá trình này, các cơ quan quản lý đất đai cần tạo ra một môi trường thuận lợi với sự hỗ trợ của VILG; đảm bảo sự tham gia thường xuyên của người sử dụng đất thông qua việc đưa ra các câu hỏi và mối quan tâm của họ về quyền lợi của mình về sử dụng đất cũng như tiếp cận với các thông tin đất đai; cung cấp các thông tin đất đai đáng tin cậy tại địa phương. Ngoài ra, các cán bộ địa phương cần nâng cao kỹ năng giao tiếp; biết cách tạo thuận lợi và tạo diễn đàn cho sự tham gia của cộng đồng trong việc phản hồi trong quá trình thực hiện dự án VILG.

+ Cách thức xây dựng nền tảng cho sự tham gia của cộng đồng trong việc thảo luận và đối thoại với các cán bộ quản lý đất đai về các vấn đề khác nhau, bao gồm cả mối quan tâm và yêu cầu hiểu biết về quyền sử dụng đất của họ, cũng như kết quả về thông tin đất đai mà người dân có được từ hệ thống thông tin của dự án;

+ Cách thức xây dựng nền tảng truyền thông ở các cấp độ khác nhau (ví dụ phiếu báo cáo của người dân, các cuộc họp thôn ...) để nhận được các thông tin phản hồi về hoạt động của bên cung cấp và khả năng của các bên này để đối phó với sự gia tăng nhu cầu đối với dịch vụ thông tin đất đai, đây cũng là một kết quả của dự án VILG. Các thủ tục về cơ chế phản hồi này cần phải rõ ràng và minh bạch, đặc biệt là đối với nhóm dễ bị tổn thương. Ví dụ như các việc liên quan đến các kênh tiếp nhận thông tin phản hồi và những bên liên quan phải chịu trách nhiệm giải quyết các ý kiến phản hồi và khoảng thời gian xử lý. Hướng dẫn kịp thời và đáp ứng những quan tâm và kiến nghị người sử dụng đất phải được cung cấp thông qua các nền tảng chiến lược truyền thông và quá trình theo dõi.

- *Với bên cầu:*

+ Làm thế nào để nâng cao nhu cầu và sau đó duy trì cách thức sử dụng dịch vụ thông tin đất đai, đặc biệt là nhóm dễ bị tổn thương.

+ Làm thế nào để tạo ra sự thay đổi trong hành vi giao tiếp, đặc biệt là giữa các nhóm dân tộc thiểu số khác nhau trong địa bàn dự án. Chiến lược truyền thông và tài liệu nên được thiết kế có tính đến sự khác biệt văn hoá trong hành vi giữa các nhóm người dân tộc khác nhau và thay đổi phù hợp với các hành vi này.

+ Làm thế nào để điều chỉnh các hoạt động và các buổi tuyên truyền tại địa phương về thông tin đất đai trong chiến dịch truyền thông để giải quyết các nhu cầu cụ thể của các nhóm dân tộc thiểu số khác nhau về ngôn ngữ và văn hoá có liên quan. Chiến lược nên bao gồm sự khác nhau về phổ biến thông tin giữa các nhóm dân tộc khác nhau và tận dụng cấu trúc, cơ chế truyền thông đáng tin cậy và các tổ chức chính thức và không chính thức của người dân tộc thiểu số thuộc khu

vực dự án để phổ biến, cho phép hỗ trợ và tư vấn cho những người dân tộc thiểu số về sử dụng đất, bằng ngôn ngữ của họ và theo cách phù hợp với văn hoá của họ. Các cán bộ địa phương sẽ được khuyến khích tích cực hỗ trợ nhóm khó tiếp cận.

+ Có cơ chế giải quyết các vướng mắc, rào cản và những khó khăn gây ra bởi tập quán và tín ngưỡng văn hoá của người DTTS và trả lời những thắc mắc của các bên liên quan.

- *Truyền thông tiếp cận cộng đồng:*

Các tài liệu truyền thông phù hợp để phổ biến: xây dựng và phổ biến một bộ trọn gói các tài liệu in ấn và nghe nhìn (tập tài liệu, tờ rơi, áp phích, phim tài liệu ngắn, chương trình đào tạo, quảng cáo trên tivi, radio... với các biểu tượng có liên quan, các thông điệp và các khẩu hiệu) cho các nhóm mục tiêu của chiến lược truyền thông, điều này là cần thiết để đảm bảo các thông điệp và kiến thức chính sẽ được chuyển giao cho các bên liên quan của dự án VILG, bao gồm các nhóm dễ bị tổn thương. Công việc này sẽ góp phần nâng cao nhận thức cho người sử dụng đất, thay đổi thái độ và hành vi của họ trong việc tìm kiếm thông tin đất đai và về lâu dài góp phần thay đổi và duy trì các hành vi được khuyến khích theo dự án. Các thiết kế của tài liệu nên phù hợp (về mặt xã hội và văn hoá đều được chấp nhận) cho các nhóm đối tượng dựa trên tiêu chuẩn về xây dựng tài liệu truyền thông (rõ ràng, súc tích, trình bày đẹp và đầy đủ các nội dung...). Tài liệu cần phải được xây dựng một cách cẩn thận để phổ biến thông tin một cách hiệu quả cho các gia đình trí thức, các gia đình lao động và gia đình dân tộc mà tiếng Việt là ngôn ngữ thứ hai, do đó cần sử dụng ngôn ngữ phi kỹ thuật cộng với các hình vẽ minh họa ở những chỗ có thể là rất quan trọng. Những tài liệu này nên được thử nghiệm với một số cộng đồng được lựa chọn tại một số tỉnh của dự án để đánh giá tính toàn diện và hiệu quả nhất có thể. Cuối cùng nhưng cũng không kém quan trọng là phải tiến hành định hướng, đào tạo cho các bên liên quan như đã được xác định trong chiến lược truyền thông về cách sử dụng các tài liệu truyền thông một cách hiệu quả.

Chiến dịch truyền thông: Các chiến dịch truyền thông đại chúng cũng có thể thích hợp để phổ biến thông tin một chiều. Trọng tâm của chiến dịch nên chủ yếu tập trung vào thông tin ở các khu vực cụ thể, mà có thể được phát sóng trên đài truyền hình và đài phát thanh địa phương. Việc sử dụng các loa phóng thanh xã có thể là một phương tiện hiệu quả để truyền đạt được đến một số lượng lớn người dân với một chi phí tương đối thấp, nhưng cũng phải nhận thấy rằng thông tin truyền thông qua các phương tiện này không phải lúc nào cũng lưu lại và không thể được sử dụng trong các khu vực nơi người dân sống một cách rải rác. Một cách thích hợp, sử dụng một số các đoạn hát, tiểu phẩm hay các khẩu hiệu dễ nhớ có thể giải quyết được vấn đề này ở một mức độ nào đó. Cung cấp thông tin công khai về bản đồ, quy hoạch và thủ tục (theo cách thức dễ tiếp cận) ở cả cấp huyện và cấp xã cũng có thể hữu ích. Trước khi triển khai MPLIS, các chiến dịch truyền thông cần được triển khai với nội dung về lợi ích cơ bản và kiến thức về việc làm thế nào để truy cập và sử dụng thông tin đất đai của MPLIS và các loại lệ phí liên quan (nếu có). Những chiến dịch này nên được thực hiện thông qua các cuộc họp, phương tiện truyền thông đại chúng và phổ biến tài liệu IEC được in ấn hoặc tài liệu nghe nhìn, tùy thuộc vào bối cảnh xã hội của địa phương cụ thể.

Sự tham gia của các đầu mối thông tin địa phương: Chính quyền địa phương được khuyến khích tham gia và phát huy vai trò của cán bộ thôn, đặc biệt

là những người từ các tổ chức đoàn thể cộng đồng, công đoàn. Đầu mỗi thông tin liên lạc nên là trưởng thôn/bản, vì nhiều nghiên cứu đã cho thấy vai trò của họ rất quan trọng và hiệu quả trong thực hiện truyền thông. Các cá nhân và tổ chức này chủ yếu là người dân tộc thiểu số đang sinh sống trong khu vực; do vậy, họ sẽ rất tích cực trong việc truyền, phổ biến chính sách, chương trình đến người dân địa phương có liên quan. Mỗi địa phương sẽ quyết định về các đầu mỗi thông tin liên quan và hiệu quả nhất phù hợp với bối cảnh hiện tại của địa phương mình.

Tư vấn: Đánh giá chỉ ra rằng nhiều người trả lời không biết về pháp luật đất đai và làm thế nào áp dụng được nó trong thực tế (giải thích pháp luật). Vì vậy, có thể cần thiết phải có tư vấn hỗ trợ song song với MPLIS trong một số cộng đồng.

Thường xuyên tổ chức các cuộc họp địa phương: các cuộc họp tại phường, xã thường xuyên bao gồm cả các phiên chất vấn và trả lời định kỳ có thể là một trong những cách làm hiệu quả nhất để hỗ trợ các cộng đồng địa phương tham gia vào hoạt động dự án, nhận và phản hồi ý kiến của họ. Tại các khu vực đô thị, điều này cũng sẽ cung cấp cho người dân có cơ hội để tham gia chặt chẽ hơn với các cán bộ quản lý đất đai của địa phương so với hiện tại. Tuy nhiên, thông tin cho người nghèo cần được cung cấp thông qua việc đến thăm nhà của họ hoặc một cuộc họp với người nghèo vì họ thường không tham dự các cuộc họp phổ biến.

Công cụ hiện đại: Ban quản lý dự án tỉnh sẽ biên soạn nội dung truyền thông và sử dụng công cụ truyền thông nghe nhìn dễ hiểu như đĩa DVD với phần tiếng Việt và một số nội dung dự án VILG dịch sang tiếng các DTTS (nếu phù hợp) sẽ được chuẩn bị để sử dụng trong quá trình hoạt động tại địa phương dựa trên các đề xuất của nhóm tham gia cộng đồng cấp huyện. Cách tiếp cận và sử dụng MPLIS và các dịch vụ của văn phòng đăng ký đất là một số nội dung được giới thiệu trong công cụ truyền thông này. Công cụ truyền thông này sẽ được lưu giữ tại các trung tâm văn hóa và UBND xã để có thể dùng diễn giải về Dự án VILG và việc quản lý/tiếp cận thông tin đất đai.

Thiết bị hiện đại: Ban quản lý dự án tỉnh có thể xem xét trang bị máy tính tại xã, áp để người DTTS có thể truy cập thông tin dễ dàng, thuận tiện (cần có đào tạo và hướng dẫn). Ban quản lý dự án tỉnh tăng cường tiếp cận và chia sẻ thông tin đất đai cho người DTTS.

- Hoạt động 3: Đào tạo cho các trưởng thôn, bản, ấp, già làng, người có uy tín trong cộng đồng

Nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng thuyết trình để tuyên truyền, vận dụng sáng tạo kiến thức, kỹ năng điều hành, xử lý các công việc phát sinh trong cộng đồng DTTS trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ của các Trưởng thôn, bản, ấp ... vận động các hộ đồng bào DTTS tích cực tham gia, hưởng ứng thực hiện hiệu quả mục tiêu của dự án, Ban QLDA cấp tỉnh phối hợp với Ban QLDA cấp TW tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn cho các đối tượng là Trưởng thôn, bản, ấp, già làng, người có uy tín,... để họ có thể hỗ trợ trong suốt quá trình thực hiện Dự án. Các khóa đào tạo, tập huấn cần được thực hiện càng sớm càng tốt và trong suốt quá trình dự án.

- Hoạt động 4: Tổ chức họp dân ở các thôn, bản, ấp... và các xã.

Tại các ấp, xã có đồng bào DTTS, Ban quản lý dự án tỉnh, Nhóm tham vấn cộng đồng cấp huyện sẽ tổ chức nhiều cuộc họp ở từng xã, ấp với người DTTS tại địa phương để trả lời các câu hỏi và mối quan tâm của họ (có phiên dịch sang

tiếng dân tộc (nếu cần). Các hoạt động này sẽ được bắt đầu trước khi triển khai dự án và sẽ được duy trì trong suốt chu trình dự án.

Trong các cuộc họp với người DTTS này, các kênh và cách truy cập các thông tin, tài liệu về đất đai, các chính sách ưu đãi các chính sách phản hồi thông tin cũng sẽ được giới thiệu.

Ban quản lý dự án tỉnh kết hợp với cơ quan truyền thông đại chúng (đài phát thanh, truyền hình, báo địa phương) tuyên truyền, phổ biến các thông tin này trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh và các địa phương.

Tài liệu để phục vụ cho các cuộc họp dân, tham vấn lấy ý kiến ở cấp xã do Văn phòng Ban quản lý dự án tỉnh cung cấp trên cơ sở sử dụng các mẫu, các văn bản pháp luật hoặc những tài liệu tuyên truyền do Ban quản lý dự án cấp Trung ương biên soạn. Tất cả các tài liệu thông tin được thực hiện một cách đơn giản, thông điệp và hình ảnh rõ ràng. Trong điều kiện kinh phí dự án cho phép, một số nội dung quan trọng sẽ được biên dịch sang ngôn ngữ dân tộc thiểu số (nếu cần) để phổ biến trong cộng đồng người dân tộc tại địa phương.

- Hoạt động 5: Đào tạo cán bộ quản lý đất đai.

Nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm và kỹ năng của các cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về đất đai tại các địa phương (Văn phòng đăng ký đất đai), đảm bảo việc giải quyết các thủ tục hành chính về đất đai khi đồng bào DTTS có nhu cầu cần thực hiện.

Tổ chức Hội thảo định hướng cho các cán bộ quản lý đất đai trong việc tiếp cận với người dân tộc thiểu số. Trong đó, đặc biệt quan tâm đến: (1) nhu cầu đặc biệt của cộng đồng DTTS, và (2) tầm quan trọng về vai trò, trách nhiệm của các cán bộ thực thi công vụ trong chiến lược, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội khu vực DTTS. Nâng cao chất lượng phục vụ của các cán bộ làm công tác trong việc cung cấp dịch vụ thông tin về đất và thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai.

- Hoạt động 6: Thiết lập dịch vụ hỗ trợ tiếp cận thông tin đất đai và đăng ký đất đai ở các cộng đồng nơi có các nhóm dân tộc thiểu số sinh sống.

Các chi nhánh VPĐK đất đai sẽ thực hiện dịch vụ hỗ trợ tiếp cận thông tin đất đai và đăng ký đất cho các nhóm dân tộc thiểu số tại các vùng sâu, xa thông qua hình thức cử cán bộ làm việc định kỳ trực tiếp tại UBND xã những nơi này, đồng thời tập huấn cán bộ cấp xã thực hiện việc tra cứu, hỗ trợ tiếp nhận và sử dụng hệ thống thông tin đất đai qua mạng Internet để cung cấp thông tin đất đai cho các nhóm dân tộc thiểu số và xác nhận các hợp đồng giao dịch về đất đai.

Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai sẽ tham vấn với chính quyền xã, ấp và nhóm tham gia cộng đồng cấp xã để xây dựng kế hoạch, lịch làm việc trực tiếp định kỳ phù hợp với điều kiện của đồng bào dân tộc tại địa phương. Chính quyền xã, thôn sẽ thông báo rộng rãi các kế hoạch và lịch làm việc này để mọi người dân được biết và sử dụng dịch vụ khi có nhu cầu.

Dự án sẽ thúc đẩy hoạt động của các tổ chức đoàn thể địa phương, chẳng hạn như Hội thanh niên và các đoàn thể phụ nữ và các tổ chức xã hội dân sự. Các tổ chức này có thể tăng thêm nỗ lực về thông tin minh bạch trong cộng đồng DTTS thông qua việc áp dụng quy trình lập kế hoạch có nhiều sự tham gia và phát triển năng lực. Đặc biệt, cần khuyến khích tuyển dụng các cán bộ hỗ trợ địa phương từ các tổ chức đoàn thể địa phương, đặc biệt là Hội phụ nữ

Các thủ tục mà người dân cần thực hiện để cấp Giấy chứng nhận sẽ được thiết lập tại các xã, đồng thời các thủ tục khác liên quan đến đất đai cũng được thực hiện tại xã. Công chức địa chính cấp xã sẽ hỗ trợ cho bà con để không gây phiền hà. Các mẫu thông tin liên quan đến cấp giấy chứng nhận sẽ được công bố tại các UBND xã, thôn (nhà văn hóa hay nơi dân bản thường tập trung, lui tới).

- Hoạt động 7: Cung cấp thông tin về cơ chế giải quyết tranh chấp.

Cán bộ địa chính địa phương sẽ được lưu ý tại các khóa đào tạo của Dự án rằng bất cứ vấn đề về đất đai nào liên quan đến cộng đồng người dân tộc thiểu số phải được báo cáo cho Ban quản lý dự án tỉnh bất kể phương án hòa giải tại địa phương có thành công hay không.

Cơ chế giải quyết khiếu nại, tranh chấp và tiếp nhận, theo dõi tiến độ giải quyết được thực hiện đúng hướng dẫn tại Sổ tay hướng dẫn dự án và hướng dẫn của Ban quản lý dự án cấp trung ương.

Để hỗ trợ cho cơ chế này, Ban quản lý dự án VILG tỉnh sẽ thực hiện chỉ định cán bộ trực tiếp tiếp nhận và theo dõi, đơn đốc các đơn có liên quan giải quyết và thông báo kết quả giải quyết, khắc phục.

Để giảm thiểu các tranh chấp, khiếu nại phát sinh phải sử dụng tới hệ thống giải quyết chính thức của Nhà nước, dự án sẽ xây dựng một kênh tiếp nhận thông tin khiếu nại, tranh chấp đất đai thứ hai sau kênh tiếp nhận thông tin khiếu nại, tranh chấp đất đai chính thức, khuyến khích các nhóm dân tộc giải quyết các vấn đề thông qua các thiết chế phi chính thức nhưng hiệu quả tại cộng đồng, như mạng lưới trưởng thôn, ấp, bản... Cụ thể, mỗi xã, thôn sẽ thành lập tổ hòa giải để giúp UBND xã hòa giải các tranh chấp khi xảy ra. Sẽ huy động sự tham gia của sự cả vào các tổ, ban hòa giải nhằm tăng cường hiệu quả trong giải quyết triệt để tranh chấp. Việc chỉ định một cán bộ theo dõi hoạt động giải quyết tranh chấp, khiếu nại tại cấp xã, huyện và tỉnh cũng như tập huấn nâng cao kỹ năng giải quyết tranh chấp của các cán bộ địa chính và tổ hòa giải ở thôn sẽ là những hoạt động được duy trì trong suốt quá trình thực hiện dự án.

- Hoạt động 8: Công tác theo dõi, đánh giá.

Hệ thống giám sát Dự án được thiết kế để khảo sát mức độ chấp nhận, mức độ hài lòng của cộng đồng đối với các dịch vụ quản lý đất đai ở các huyện tham gia dự án, kể cả đối với người Kinh và không phải người Kinh.

Giám sát nội bộ của Ban VILG cấp TW và Đoàn giám sát của Ngân hàng thế giới sẽ được thực hiện tại các huyện có nhiều dân tộc thiểu số với mức độ cao hơn tại các huyện khác. Tương tự, việc giám sát tại các xã có cộng đồng người dân tộc thiểu số cũng sẽ được thực hiện riêng với mức độ cao hơn tại các xã khác. Vào năm thứ tư, Dự án sẽ tiến hành một đánh giá tác động liên quan đến các rủi ro đã xác định ở trên đối với quá trình triển khai Dự án tại các địa phương có nhiều dân tộc thiểu số.

Ngoài ra, Ban VILG cấp tỉnh phối hợp với UBND các huyện để tổ chức các Hội thảo để đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Ban Quản lý dự án Trung ương có trách nhiệm tập huấn, hướng dẫn tổ chức triển khai và kiểm tra việc tổ chức thực hiện Kế hoạch phát triển dân tộc tại địa phương theo Khung phát triển dân tộc của toàn dự án và theo Sổ tay hướng dẫn của dự án.

- Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm phê duyệt Kế hoạch phát triển DTTS của tỉnh, chỉ đạo, kiểm tra việc tổ chức thực hiện Kế hoạch và cấp đủ kinh phí để thực hiện Kế hoạch.

- Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Dự án VILG tỉnh phối hợp với UBND huyện chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Kế hoạch Phát triển Dân tộc thiểu số theo hướng dẫn được nêu trong Sổ tay hướng dẫn thực hiện Dự án.

- Ban Quản lý Dự án VILG tỉnh phân công một cán bộ chịu trách nhiệm làm đầu mối về các vấn đề xã hội. Cán bộ này có nhiệm vụ đôn đốc Nhóm thực hiện Dự án cấp huyện thực hiện đầy đủ các hoạt động trong khuôn khổ Kế hoạch này và giám sát nội bộ, lập báo cáo giám sát nội bộ 6 tháng 1 lần để trình WB xem xét.

- Đại diện Ban Dân tộc tỉnh/huyện, Nhóm tham vấn cộng đồng cấp huyện, công chức địa chính phường, xã có trách nhiệm phối hợp với Ban quản lý dự án VILG cấp tỉnh tổ chức các cuộc họp dân lấy ý kiến cộng đồng; đánh giá, tham vấn những vấn đề liên quan đến việc thực hiện dự án và các vấn đề về người dân tộc thiểu số; giám sát mức độ chấp nhận, mức độ hài lòng của cộng đồng đối với các dịch vụ quản lý/tiếp cận thông tin đất đai ở các huyện tham gia dự án, kể cả đối với các nhóm dân trên địa bàn, gồm cả nhóm dân tộc đa số và thiểu số.

- Cộng đồng, đồng bào dân tộc thiểu số có trách nhiệm phản ánh về tình hình triển khai dự án tại cộng đồng, những hoạt động của dự án có tác động và ảnh hưởng không tích cực đến quyền và lợi ích của cộng đồng.

- Các báo cáo định kỳ của Ban quản lý dự án VILG tỉnh (6 tháng) sẽ bao gồm báo cáo về tình hình triển khai Kế hoạch Phát triển dân tộc thiểu số tại tỉnh, trong đó nêu rõ các hoạt động đã được triển khai liên quan đến kế hoạch này tại các địa bàn của dự án; các ý kiến phản hồi của người dân tộc thiểu số liên quan đến các hoạt động của dự án tại tỉnh và kế hoạch triển khai các hoạt động tiếp theo, báo cáo về Ban quản lý dự án VILG cấp Trung ương.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các thành viên phản ánh kịp thời về Ban quản lý, Ban chỉ đạo dự án VILG tỉnh để có biện pháp giải quyết kịp thời.

IV. PHỔ BIẾN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DÂN TỘC THIỂU SỐ

- Công khai Kế hoạch DTTS

Ban QLDA tỉnh đã phổ biến Khung chính sách phát triển DTTS của dự án trong các buổi tập huấn kỹ thuật, tham vấn với cộng đồng DTTS và đăng tải trên trang web của địa phương.

Dự thảo Kế hoạch PTDTTS (EMDP) đã được tham vấn với chính quyền địa phương và cộng đồng DTTS trước khi trình WB phê duyệt. Kế hoạch PTDTTS được phê duyệt sẽ được công bố cho cộng đồng dân tộc thiểu số vùng dự án theo ngôn ngữ đơn giản, dễ hiểu thông qua các cuộc họp thôn/buôn và lưu giữ ở UBND xã, nhà văn hóa cộng đồng đảm bảo những người dân tộc thiểu số vùng dự án, bao gồm hộ bị ảnh hưởng, hộ hưởng lợi và cộng đồng của họ có thể tiếp cận một cách thuận lợi và có thể hiểu hết được Kế hoạch đó. Kế hoạch PT DTTS được duyệt cũng sẽ được công bố trên trang web của NHTG.

Trong quá trình thực hiện dự án, nếu có các hoạt động phát sinh dẫn đến phát sinh các tác động, kế hoạch phát triển DTTS sẽ được cập nhật. Bản cập nhật sẽ được gửi WB xem xét và được công bố tới cộng đồng DTTS vùng dự án.

- Đảm bảo sự tham gia Kế hoạch DTTS

Nhằm đảm bảo việc tham gia của người dân tộc thiểu số trong suốt quá trình chuẩn bị và thực hiện dự án, việc tham vấn cần được tiến hành một cách tự do, cung cấp đầy đủ thông tin trước khi thực hiện các hoạt động. BQLDA tỉnh đã tiến hành các cuộc họp tham vấn với cộng đồng dân tộc thiểu số, bao gồm hộ hưởng lợi và hộ bị ảnh hưởng để đánh giá nhu cầu của cộng đồng về sử dụng các dịch vụ cung cấp thông tin đất đai, đảm bảo rằng phản ánh từ phía cộng đồng DTTS địa phương sẽ được ghi nhận và xem xét trong quá trình thiết kế và thực hiện dự án.

Trong quá trình chuẩn bị EMDP, các cuộc tham vấn cộng đồng thông qua họp dân, phỏng vấn các cá nhân và thảo luận nhóm đã được thực hiện. Người dân ở các thôn vùng dự án, bao gồm cả hộ bị ảnh hưởng đều tham gia thảo luận và chia sẻ thông tin. Phụ nữ, người dễ bị tổn thương và thanh niên được mời tham gia và khuyến khích đóng góp ý kiến. Các nhóm dân tộc thiểu số ở các xã vùng dự án đều được tham vấn. Các tổ chức đại diện của họ như Hội Phụ nữ, Hợp tác xã, Hội nông dân, Đoàn Thanh niên cấp xã và cấp thôn cũng được tham vấn.

Các cuộc tham vấn cộng đồng DTTS được thực hiện cho tất cả các xã vùng dự án có DTTS, đã đề cập các nội dung sau: a) những tác động tích cực và tiêu cực của dự án đối với hộ gia đình và cộng đồng, b) trên cơ sở các tác động tiêu cực, thảo luận với cộng đồng các biện pháp tránh hoặc giảm thiểu, và c) cơ hội kinh tế - xã hội mà dự án sẽ đem lại cho các hộ/cộng đồng DTTS.

Các cuộc họp tham vấn cũng đã được tổ chức với sự tham dự của đầy đủ các bên liên quan đến dự án bao gồm Ban Dân tộc tỉnh, đại diện các phòng ban của huyện, bao gồm phòng dân tộc, Phòng đăng ký đất đai, hội phụ nữ, đại diện đoàn thể các xã vùng dự án có DTTS để tìm hiểu, trao đổi với Ban Dân tộc tỉnh, phòng dân tộc các huyện của dự án một số chính sách đã ban hành cho người DTTS và các chương trình đã và đang thực hiện trên địa bàn tỉnh, huyện xã vùng dự án liên quan đến sử dụng đất.

Cơ chế tham vấn và tham gia của người DTTS trong quá trình thực hiện dự án: tham vấn trước, tự do không ép buộc và cung cấp đầy đủ thông tin dẫn đến sự đồng thuận rộng rãi của cộng đồng DTTS đối với các hoạt động của dự án cần được thực hiện suốt quá trình thực hiện dự án và được ghi lại bằng biên bản. Các ý kiến phản hồi của cộng đồng cần được xem xét đưa vào dự án. Các phương pháp tham vấn và tham gia có thể sử dụng như thảo luận nhóm, phỏng vấn người chủ chốt, người có uy tín trong cộng đồng, trình diễn mô hình. Phương pháp tham vấn và sự tham gia của cộng đồng DTTS cần đảm bảo phù hợp với văn hóa của họ và đảm bảo các yếu tố về giới, liên thế hệ và bao gồm cả nhóm dễ bị tổn thương.

V. CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Cơ chế giải quyết khiếu nại được thiết lập cho Dự án này là cơ chế hai cấp: cấp cộng đồng và cấp chính quyền. Tại mỗi xã dự án, một Ban hòa giải sẽ được thành lập để tiếp nhận và giải quyết những thắc mắc hay tranh chấp của người dân bằng biện pháp hòa giải theo thể thức truyền thống. Nếu các khiếu nại không thể giải quyết ở cấp cộng đồng thì sẽ được gửi lên cấp chính quyền thông qua bộ phận một cửa ở cấp xã, huyện và tỉnh và cuối cùng là cấp tòa án.

Cán bộ xã hội của Ban QLDA tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận khiếu nại của người dân (nếu có) và làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết và theo dõi quá trình giải quyết cho đến khi kết thúc. Kết quả giải quyết cần được thông báo kịp thời bằng văn bản đến người có khiếu nại. Khiếu nại và kết quả giải

quyết khiếu nại cần được báo cáo cụ thể trong các báo cáo về thực hiện EMDP cho Ban QLDA Trung Ương và cho Ngân Hàng Thế giới.

VI. KINH PHÍ DỰ KIẾN

Chi phí ước tính để thực hiện Kế hoạch Hành động Dân tộc thiểu số này chỉ bao gồm các chi phí cho những hoạt động đặc biệt, chỉ liên quan đến dân tộc thiểu số, không bao gồm những chi phí liên quan chung tới mọi nhóm đối tượng của Dự án. Kinh phí này được tính vào nguồn kinh phí thực hiện dự án.

Tổng kinh phí dự kiến là 328.905.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm hai mươi tám triệu chính trăm lẻ năm ngàn đồng)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Total					328.905.000
Hoạt động 1	Tham gia cộng đồng và hội thảo (2 lần/năm)				109.605.000
-	Tiền lương tiền công				<i>Đã được chi trả tại đơn vị</i>
-	Các chi phí khác (đi lại, in ấn...)		5	21.927.000	109.605.000
Hoạt động 2	Sử dụng các công cụ truyền thông hiện đại và hiệu quả				<i>Đã được tính trong hoạt động 1 mục chi phí khác</i>
-	Tạo nội dung truyền thông (DVD nghe nhìn)				
-	Phát sóng và làm DVD				
Hoạt động 3	Huấn luyện cho làng làng / thôn làng Trường phòng và 1 người đào tạo (120 người/ngày)	<i>Hội thảo</i>	1	43.854.000	43.854.000
Hoạt động 4	Hợp người dân tại thôn/buôn (25 cuộc họp cho 1 năm trong 4 năm)	<i>Cuộc họp</i>	100	1.534.890	153.489.000
Hoạt động 5	Đào tạo cán bộ quản lý đất đai (hội thảo định hướng cho các quan cán bộ đất đai tiếp cận với các nhóm EM) (2 hội thảo mỗi tỉnh)				<i>Đã tính trong chi phí đào tạo của dự án</i>
Hoạt động 6	Thiết lập các dịch vụ hỗ trợ truy cập thông tin đất đai và đăng ký đất đai cho cộng đồng dân tộc thiểu số				
-	Ngân sách hỗ trợ các LRO trong việc tổ chức các dịch vụ hỗ trợ truy cập thông tin đất đai và đăng ký đất đai cho cộng đồng dân tộc thiểu số ở khu vực nông thôn và miền núi (20 xã *2 lần mỗi năm)				Ngân sách được phân bổ từ các quỹ hoạt động thường xuyên của LROs
-	LRO cung cấp đào tạo cho cán bộ xã trong việc hỗ trợ truy cập thông tin đất đai và sử dụng hệ thống thông tin đất đai trên internet				
Hoạt động 7	Đội hòa giải cộng đồng				21.927.000
-	Hội thảo tập huấn nâng cao kỹ năng cho cán bộ địa chính và đội hòa giải ở các thôn (150 người x 1 ngày)	<i>Hội thảo</i>	1	21.927.000	21.927.000
Hoạt động 8	Giám sát và đánh giá				
-	Theo dõi và đánh giá các hoạt động của dự án theo các nhóm dân tộc, nghèo / cận nghèo / không nghèo và giới tính				<i>Tính trong hoạt động 3</i>

VII. TỔ CHỨC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ

Ban quản lý dự án VILG cấp tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện chung và giám sát nội bộ kế hoạch phát triển DTTS. Báo cáo giám sát sẽ được trình lên Ngân

hàng Thế giới để xem xét và có ý kiến. Hoạt động giám sát, đánh giá cần phải được tiến hành một năm hai lần trong quá trình thực hiện dự án để xác định đúng lúc các vấn đề mà có thể cần có hành động ngay từ phía Ban quản lý dự án VILG cấp tỉnh.

Các hoạt động giám sát, đánh giá gồm:

PHỤ LỤC 1: TIÊU CHÍ THỰC HIỆN GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Hoạt động giám sát và đánh giá	Các chỉ số cơ bản
1. Tiến độ thực hiện EMDP	<ul style="list-style-type: none"> Bản kế hoạch phải được chia sẻ đến cộng đồng; Kế hoạch phải đáp ứng nhu cầu của người DTTS; Nguồn nhân lực đầy đủ để thực hiện kế hoạch.
2. Thực hiện tham vấn cộng đồng và sự tham gia của người dân địa phương	<ul style="list-style-type: none"> Cộng đồng DTTS, chính quyền xã, lãnh đạo thôn, bản, ấp... và các tổ chức quần chúng tại địa phương sẽ được cung cấp đầy đủ thông tin về EMDP và cơ chế khiếu nại. Cộng đồng DTTS, đại diện các thôn, bản, ấp... và các tổ chức đoàn thể địa phương phải được tham vào hoạt động giám sát việc thực hiện EMDP.
3. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực tiềm ẩn	<ul style="list-style-type: none"> Toàn bộ biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực từ Dự án phải được thực hiện một cách hiệu quả.
4. Thực hiện các can thiệp phát triển cụ thể đối với cộng đồng DTTS địa phương	<ul style="list-style-type: none"> Toàn bộ các hoạt động hỗ trợ đào tạo phải được thực hiện một cách hiệu quả.
5. Cơ chế khiếu nại/khiếu kiện	<ul style="list-style-type: none"> Cộng đồng DTTS hiểu rõ về cơ chế khiếu nại/khiếu kiện và các tài liệu tổ chức liên quan và loại báo cáo, và các giải pháp đạt được.

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH THAM DỰ THAM VẤN CỘNG ĐỒNG

TT	Họ và tên	Địa chỉ/Đơn vị công tác	Nam	Nữ
I. Huyện Krông Bông				
<i>Xã Cư Drăm</i>				
1	Hoàng Văn Pao	Bí thư chi bộ Buôn Yang Hăn	x	
2	Y Gol Ayun	Trưởng Buôn Ea Hăn	x	
3	Y Len Brông	Trưởng Buôn Nao Huh	x	
4	H'Lim Niê	Trưởng Buôn Ea Luêh		X
5	Ma A Sà	Trưởng Buôn Cư Dắt	x	
6	Tráng A Dế	Người dân Buôn Cư Dắt	x	
7	H'Thin Kbua	Người dân buôn Ea Luêh		X
8	H'Đi En Brông	Người dân Buôn Nao Huh		X
9	Y Phun Ayun	Người dân Buôn Ea Hăn	x	
10	Hoàng A Sụn	Người dân Buôn Yang Hăn	x	
11	Nguyễn Văn Trung	Phó chủ tịch xã	x	
Tổng số			8	3
II. Huyện Krông Năng				
<i>Xã Ea Hồ</i>				
1	H' Chuc Ênuôl	Chủ tịch hội phụ nữ Buôn Alê	x	
2	H' Nga Cil	Trưởng Buôn Dun		X

3	Y Thối Ênuôl	Trưởng Buôn Năng	x	
4	Đào Minh Thắng	Bí thư Buôn Mngoan	x	
5	H' Drah Buôn Yă	Buôn Alê		X
6	Y Trôi Ênuôl	Buôn Dun	x	
7	H' Suyêt Êban	Buôn Năng		X
8	Vương Trần Cao Sang	Buôn Mngoan	x	
Tổng			5	3
II. Huyện Lắk				
Xã Krông Nô				
1	Nguyễn Hữu Chiêm	Bí thư chi bộ Buôn Đăk Rơ Mut	x	
2	H' Jê Êban	Buôn trưởng Buôn Liêng Krăk		X
3	Y Danh Ênuôl	Chủ tịch mặt trận Buôn Phi Dih Ja A	x	
4	H' Ngăc Êban	Chủ tịch hội phụ nữ Buôn Rơ Cai A		X
5	H' Vi Ktla	Hội phụ nữ Buôn Trang Yuk		X
6	Y Kuyên Ênuôl	Buôn Yông Hăt	x	
7	Y Mươi Mlô	Buôn Đăk Rơ Mut	x	
8	H' Pat Êban	Buôn Liêng Krăk		X
9	Y Vun Êban	Buôn Phi Dih Ja A	x	
10	Từ Hoàng Phong	Buôn Rơ Cai A	x	
11	Vy Thị Hoàng Diệu	Buôn Trang Yuk	x	
12	H' Chín Knul	Buôn Yông Hăt		X
Tổng			7	5

PHỤ LỤC 3: DANH SÁCH THAM DỰ THAM VẤN CÁN BỘ LÀM CÔNG TÁC QUẢN LÝ/CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ

TT	Họ và tên	Chức vụ/Đơn vị công tác	Nam	Nữ
1	Y Vương Êban	VPĐK Krông Năng	1	
2	H' Huệ Ông	VPĐK Lắk		1
3	H Hoa Êban	VPĐK Krông Bông		1
4	Lê Đăng Tú	TT PTQĐ Krông Năng	1	
5	Trần Anh Tuấn	TTPTQĐ Krông Bông	1	
6	Đỗ Văn Soạn	TTPTQĐ Lắk	1	
7	Nguyễn Thị Hằng	Doanh nghiệp	1	
8	Trần Văn Công	Doanh nghiệp	1	
9	Nguyễn Phúc Nguyên	Doanh nghiệp	1	
10	Lê Chí Quốc Bảo	Doanh nghiệp	1	
11	Nguyễn Ngọc Anh	Doanh nghiệp	1	
Tổng số			8	2

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

